

Số: **116/TB-SXD**

An Giang, ngày 16 tháng 8 năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc triển khai trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở (kể cả trường hợp điều chỉnh) và dự toán thiết bị công trình

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2014 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng, Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng, Công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 82/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh An Giang, về việc phân cấp quyết định đầu tư; thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Công văn số 1821/UBND-KTTH ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định về trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh An Giang,

Để triển khai thực hiện quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở (kể cả trường hợp điều chỉnh) và dự toán thiết bị công trình thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng, Sở Xây dựng thông báo trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Đối tượng thẩm định: Các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (*trừ công trình cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị, đường tỉnh lộ qua đô thị*) được đầu tư trên địa bàn hành chính của tỉnh.

2. Các công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng, bao gồm:

- Danh mục công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

- Danh mục dự án có ảnh hưởng lớn đến môi trường là danh mục dự án phải đánh giá tác động môi trường được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 18/2015/NĐ-CP.

- Công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan là công trình có yêu cầu phải tổ chức thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc theo quy định tại Khoản 6, Điều 1, Nghị định 42/2017/NĐ-CP.

3. Nguyên tắc phối hợp và định mức thu phí thẩm định:

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả và thực hiện đúng thời gian quy định trong công tác thẩm tra, thẩm định, nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn của công trình, Sở Xây dựng đề xuất nguyên tắc phối hợp trong công tác thẩm tra, thẩm định, cụ thể như sau:

- Trong quá trình thẩm định, Sở Xây dựng mời (bằng văn bản) tổ chức tư vấn có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thực hiện thẩm định từng phần thiết kế xây dựng, thiết kế công nghệ (nếu có), dự toán xây dựng công trình để phục vụ công tác thẩm định.

- Căn cứ vào văn bản yêu cầu của Sở Xây dựng, chủ đầu tư trực tiếp ký kết hợp đồng với tổ chức tư vấn thẩm tra; đồng thời, chi trả trực tiếp chi phí thực hiện thẩm tra cho tổ chức tư vấn theo mức phí quy định của Bộ Xây dựng. Phí thẩm định được thu theo quy định tại Phụ lục số 2 Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC.

- Tổ chức tư vấn thẩm tra phục công tác thẩm định cho Sở Xây dựng với các nội dung được quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7 Điều 83 của Luật Xây dựng (*mẫu báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo mẫu số 03 Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD*).

- Sở Xây dựng trực tiếp thẩm định các nội dung được quy định tại Khoản 6, 8 Điều 83 của Luật Xây dựng; rà soát sự phù hợp các nội dung thẩm tra thiết kế, kiểm tra tính đúng đắn bảng tổng hợp kinh phí theo quy định tại Thông tư 06/2016/TT-BXD; Quyết định 79/QĐ-BXD; Khoản 2, Điều 10 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP và các chi phí khác theo quy định về kết quả thẩm tra dự toán;

Tổng hợp kết quả thẩm tra và kết quả thẩm định của các đơn vị (nếu có) để Thông báo hoàn trả hồ sơ trình thẩm định (*trường hợp kết quả không đủ điều kiện*), Thông báo kết quả thẩm định (*trường hợp kết quả thẩm định đủ điều kiện*) (*mẫu thông báo kết quả thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình theo mẫu số 07 Phụ lục 2 Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*);

Phê duyệt thiết kế xây dựng và dự toán theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh đối với vốn ngân sách nhà nước (*mẫu quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo mẫu số 05 Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD*);

Lưu trữ hồ sơ, tài liệu cần thiết có liên quan đến công tác thẩm định theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

4. Nguyên tắc điều chỉnh, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ sau khi có kết quả thẩm định:

- Hồ sơ thiết kế trình thẩm định sau khi được chủ đầu tư tổ chức chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến của kết quả thẩm tra và kết quả thẩm định và phải được Tổ chức tư vấn thẩm tra và Sở Xây dựng kiểm tra, **đóng dấu thẩm tra trên hai (02) bộ, dấu thẩm định trên một (01) bộ hồ sơ** (theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD), cụ thể như sau:

+ Trường hợp chỉnh sửa nhỏ không ảnh hưởng lớn đến an toàn chịu lực, khối lượng dự toán xây dựng công trình và đủ điều kiện phê duyệt, chủ đầu tư yêu cầu tư vấn thiết kế chỉnh sửa, hoàn thiện trực tiếp trên hồ sơ đã gửi thẩm tra, thẩm định hoặc điều chỉnh một số bản vẽ (có liệt kê cụ thể về nội dung và danh mục bản vẽ chỉnh sửa) để Tổ chức tư vấn thẩm tra và Sở Xây dựng kiểm tra và đóng dấu;

+ Trường hợp chỉnh sửa lớn ảnh hưởng lớn đến an toàn chịu lực, khối lượng dự toán xây dựng công trình mà chưa đủ điều kiện phê duyệt, chủ đầu tư yêu cầu tư vấn thiết kế điều chỉnh lại hồ sơ (kèm liệt kê cụ thể về nội dung và danh mục hồ sơ phải chỉnh sửa), gửi Tổ chức tư vấn thẩm tra và Sở Xây dựng kiểm tra và xem xét cập nhật kết quả thẩm tra, thẩm định, trước khi trình phê duyệt.

- Sở Xây dựng lưu trữ một (01) bộ hồ sơ đã được đóng dấu thẩm tra, thẩm định.

5. Một số yêu cầu trong công tác thẩm định:

5.1. Đối với chủ đầu tư:

- Trường hợp triển khai thiết kế, dự toán xây dựng hạng mục công trình của dự án có giá trị dự toán xây dựng vượt giá gói thầu được duyệt trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư cần thống kê cơ cấu giá trị các hạng mục của dự án so với tổng mức đầu tư được duyệt, lý do của việc vượt giá gói thầu, gửi kèm hồ sơ trình thẩm định, để Sở Xây dựng làm cơ sở xem xét thẩm định.

- Kiểm tra, kiểm soát, hoàn chỉnh hồ sơ; cung cấp đầy đủ hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

- Cần quan tâm theo dõi tiến độ thực hiện thẩm tra của Tổ chức tư vấn thẩm tra theo đúng thời gian quy định. Khi có điều chỉnh, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Tổ chức tư vấn thẩm tra, chủ đầu tư cần sớm tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, cần thông báo, bổ sung cho Sở Xây dựng.

- Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến Sở Xây dựng để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

- Khi nhận được kết quả thẩm tra, cần tổ chức rà soát, đảm bảo các nội dung thẩm tra theo quy định; nhất là việc tính đúng đắn của kết quả thẩm tra dự toán, để kịp thời yêu cầu tư vấn thẩm tra điều chỉnh, cung cấp kịp thời cho Sở Xây dựng.

- Chủ đầu tư khi đến nhận kết quả phải có biên nhận. Trường hợp nhận thay phải có biên nhận và giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền của tổ chức đề nghị cấp.

- Nộp phí thẩm định tại Bộ phận một cửa khi đến nhận báo cáo kết quả thẩm định (*Mức phí thẩm định theo quy định tại Phụ lục số 2 Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư 210/2016/TT-BTC*).

5.2. Đối với tư vấn khảo sát, thiết kế, dự toán xây dựng công trình:

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ và giải trình, chỉnh sửa nội dung hồ sơ trình thẩm định theo yêu cầu của chủ đầu tư và tư vấn thẩm tra, Sở Xây dựng.

- Cung cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng do cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng cấp, kèm hồ sơ năng lực và quyết định phân công, bản sao có công chứng các chứng chỉ hành nghề của cán bộ chủ trì, chủ nhiệm khảo sát, thiết kế, dự toán xây dựng công trình cho Sở Xây dựng (*kèm theo hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư*).

- Triển khai các nội dung hồ sơ cần phải đúng quy định và có chất lượng như: Nhiệm vụ khảo sát, thiết kế; thuyết minh tính toán; hồ sơ dự toán; Quy trình bảo trì theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP; đồng thời, phải được chủ đầu tư kiểm tra, phê duyệt trước khi gửi Sở Xây dựng thẩm định. Kết quả khảo sát; các nhiệm vụ, thuyết minh tính toán thiết kế phải có cán bộ chủ trì kiểm tra, ký xác nhận trước khi tổ chức tư vấn bàn giao cho chủ đầu tư.

5.3. Đối với tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định:

- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

- Tuân thủ đúng quy định về thời gian thẩm tra: 12 (mười hai) ngày đối với công trình cấp II, III và 8 (tám) ngày đối với các công trình còn lại (*nội dung này, Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).

- Đối với hồ sơ dự toán xây dựng công trình, tư vấn thẩm tra cần tổ chức phối hợp đồng bộ giữa bộ phận thẩm tra thiết kế và dự toán để đảm bảo khối lượng của hồ sơ thẩm tra dự toán xây dựng công trình **phải đúng và đủ** so với hồ sơ thiết kế.

- Khi có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung hồ sơ hoặc làm rõ về sự phù hợp và tính hợp lý của phương án khảo sát, thiết kế...tư vấn thẩm tra cần sớm thông báo cho chủ đầu tư để bổ sung 01 (một) lần, tránh tình trạng gần hết thời hạn thẩm tra rồi mới thông báo, hoặc vì áp lực tiến độ công việc mà kết quả thẩm tra không chính xác, không đủ các nội dung công việc thẩm tra theo quy định. Việc yêu cầu điều chỉnh, bổ sung hồ sơ cần có thông báo kịp thời bằng văn bản cho Sở Xây dựng.

II. QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT:

1. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

1.1. Đối với công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước: (*đính kèm Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ - Quy trình số 1, Khoản 1*)

a) Thẩm quyền thẩm định: Sở Xây dựng chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở (nhà chung cư, nhà ở tập thể, ký túc xá, nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên) có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m và các công trình quy định tại Khoản 1, Mục I của Thông báo này có cấp công trình từ cấp II trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình đã được phân cấp cho các cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo quy định.

b) Thẩm quyền phê duyệt:

- Sở Xây dựng phê duyệt (theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh) thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước.

- Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước.

1.2. Đối với công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: (đính kèm Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ - Quy trình số 1, Khoản 2)

a) Thẩm quyền thẩm định:

- Sở Xây dựng chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở (nhà chung cư, nhà ở tập thể, ký túc xá, nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên) có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m và các công trình quy định tại Khoản 1, Mục I của Thông báo này có cấp công trình cấp II, III được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình đã được phân cấp cho các cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo quy định; tổng hợp kết quả thẩm định gửi người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt.

- Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của các công trình còn lại; tổ chức thẩm định phần thiết kế, dự toán phần công nghệ (nếu có) đối với các công trình quy định tại các điểm a, b và c khoản 10, Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền phê duyệt: Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán theo Khoản 2, Điều 25 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

1.3. Đối với công trình xây dựng sử dụng vốn khác: (đính kèm Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ - Quy trình số 1, Khoản 2)

a) Thẩm quyền thẩm định:

- Sở Xây dựng chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (trừ phần thiết kế công nghệ) của công trình nhà ở (nhà chung cư, nhà ở tập thể, ký túc xá, nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên) có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75m và các công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng theo Khoản 1,2 Mục I của Thông báo này từ cấp II, III được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ các công trình đã được phân cấp cho các cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo quy định.

- Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của các công trình còn lại; tổ chức thẩm định phần thiết kế công nghệ (nếu có) và dự toán xây dựng đối với các công trình quy định tại các điểm a và b khoản 11, Điều 1 của Nghị định số 42/2017/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền phê duyệt: Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình.

2. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình: (đính kèm Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ - Quy trình số 2) Theo quy định tại Điều 17 của Thông tư số 18/2016/TT-BXD, cụ thể:

2.1. Các trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Xây dựng năm 2014 và Điều 11 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP.

2.2. Người quyết định đầu tư quyết định việc điều chỉnh thiết kế dự toán xây dựng công trình khi việc điều chỉnh này dẫn đến phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm xác định và lập thủ tục điều chỉnh dự án trước khi thực hiện lập thủ tục điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Các trường hợp điều chỉnh khác do chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình. Trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, làm cơ sở để xem xét, phê duyệt. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng do mình quyết định thực hiện.

2.3. Sở xây dựng thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Điều chỉnh thiết kế xây dựng do có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực (trừ trường hợp làm tăng tính an toàn cho công trình) và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình.

b) Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình do việc điều chỉnh dẫn đến làm vượt tổng mức đầu tư hoặc vượt dự toán xây dựng công trình đã được người quyết định đầu tư phê duyệt.

3. Về thẩm định, phê duyệt dự toán thiết bị của dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước: *(đính kèm Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ - Quy trình số 3)*

Sở Xây dựng chủ trì thẩm định dự toán thiết bị của dự án đầu tư xây dựng công trình và phê duyệt dự toán theo ủy quyền của UBND tỉnh.

Thông báo này thay thế nội dung công tác thẩm định và thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán thiết bị công trình tại Thông báo số 2139/TB-SXD ngày 29/9/2015 của Sở Xây dựng An Giang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Các Phòng QLĐT, KTHT huyện, TX, TP;
- Các chủ đầu tư (BanQLDA ĐTXD) tỉnh, huyện, TX, TP.
- BGĐ Sở; Các phòng c/m thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLXD, CCGĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Bảo Trung

QUY TRÌNH SỐ 1

Quy trình tiếp nhận thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng

1. Thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa. Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ, tham mưu lãnh đạo Sở có thông báo cho chủ đầu tư mời tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực phù hợp đã đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng để chủ đầu tư ký kết hợp đồng thẩm tra, phục vụ công tác thẩm định.

+ Trong thời gian 05 ngày làm việc, Chi cục Giám định xây dựng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ trình thẩm định, thông báo cho Bộ phận một cửa để yêu cầu chủ đầu tư điều chỉnh, bổ sung hoặc trả hồ sơ cho chủ đầu tư trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở Xây dựng, nếu chủ đầu tư không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì Sở Xây dựng dừng thẩm định. Chủ đầu tư trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, gửi Báo cáo kết quả thẩm tra cho Sở Xây dựng tổ chức thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 12 (mười hai) ngày đối với công trình cấp II, III và 8 (tám) ngày đối với các công trình còn lại (*nội dung này, Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).

Lưu ý: Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến Sở Xây dựng để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện. Quá thời hạn thực hiện thẩm tra nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi kết quả thẩm tra đến Bộ phận một cửa thì xem như hồ sơ chưa đủ điều kiện để thẩm định. Khi nhận kết quả thẩm tra thì thời gian thẩm định được tính lại như nhận hồ sơ mới có khấu trừ thời gian thẩm tra theo quy định.

- **Bước 2:** Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Giám định xây dựng tham mưu lãnh đạo Sở gửi hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn có liên quan để thẩm định về giải pháp thiết kế, PCCC, môi trường, công nghệ, thiết bị có cấu phần lắp đặt (*nếu có*). Chi cục Giám định xây dựng tổng hợp, tham mưu lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả thẩm định, trình phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình (*đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước*), chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa.

- **Bước 3:** Chủ đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận một cửa. Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp phí thẩm định tại Bộ phận một cửa hoặc chuyển khoản theo Thông báo thu phí thẩm định của Sở Xây dựng.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở Sở Xây dựng.

1.2. Thành phần và số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

| Số TT | Thành phần hồ sơ | Mẫu/Nội dung quy định | Số lượng | Ghi chú |
|-------|--|---|----------|--|
| 1 | Tờ trình Thẩm định TKXD | Mẫu số 6, Phụ lục II, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP <i>Biểu mẫu số 01</i> | 02 | Bản chính. |
| 2 | Các văn bản pháp lý (do cơ quan có thẩm quyền cấp) | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 2.1 | - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy (nếu có). | Nghị định 79/2014/NĐ-CP và Thông tư 66/2014/TT-BCA | | |
| 2.2 | - Báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có). | Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT | | |
| 2.3 | - Văn bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). | Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT | | |
| 2.4 | - Văn bản thỏa thuận đấu nối các bên liên quan (nếu có) | | | |
| 3 | Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư | Mẫu số 1 – Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 <i>Biểu mẫu số 02</i> | 02 | Bản chính. |
| 4 | Hồ sơ năng lực của nhà thầu KSXĐ, TVTK: (thành phần đúng theo nội dung mẫu Nghị định) | - Chương IV, Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Nghị định 42/2017/NĐ-CP và Thông tư 17/2016/TT-BXD - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 01 | Bản chính hoặc bản sao được đóng thành tập có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 4.1 | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nhà thầu KSXĐ, nhà thầu TKXD. | | | |
| 4.2 | Hồ sơ năng lực của nhà thầu KSXĐ, nhà thầu TKXD (bảng thông tin kinh nghiệm và các văn bản pháp lý liên quan). | | | |
| 4.3 | Chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm KSXĐ, chủ nhiệm TKXD, các chủ trì TKXD, lập DTXĐ (kèm Bảng khai kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn TKXD). | | | |
| 5 | Các hồ sơ khảo sát xây dựng phù hợp với giai đoạn thiết kế | - Điều 29 Nghị định 59/2015/NĐ-CP - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao được đóng thành tập có xác nhận của chủ đầu tư. |

| | | | | |
|-----|--|--|----|---|
| 5.1 | - Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ và phương án khảo sát xây dựng | Điều 11, Nghị định 46/NĐ/2015/NĐ-CP; khoản c Điều 76 Luật Xây dựng số 50/2014/QH | | |
| 5.2 | - Quyết định phê duyệt phương án khảo sát xây dựng | Điều 11, Nghị định 46/NĐ/2015/NĐ-CP; khoản c Điều 76 Luật Xây dựng số 50/2014/QH | | |
| 5.3 | - Báo cáo kết quả khảo sát có phê duyệt trực tiếp của chủ đầu tư | Điều 15, Điều 16 Nghị định 46/NĐ/2015/NĐ-CP | | |
| 5.3 | - VB chấp thuận nghiệm thu BC KQKS của chủ đầu tư | Điều 16 Nghị định 46/NĐ/2015/NĐ-CP | | |
| 6 | Hồ sơ thiết kế cơ sở | - Điều 29 Nghị định 59/2015/NĐ-CP. - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 6.1 | - Quyết định phê duyệt dự án kèm hồ sơ thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. | | | |
| 6.2 | - Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở | | | |
| 7 | Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu | - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 8 | Hồ sơ thiết kế | - Quy cách theo quy định tại Điều 21 Nghị định 46/2015/NĐ-CP - Nội dung theo quy định tại Điều 79, 80 Luật Xây dựng số 50 - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 04 | Bản chính có xác nhận của chủ đầu tư và file. |
| 8.1 | Thuyết minh và các bản vẽ TKXD | | | |
| 8.2 | Dự toán xây dựng công trình | Nghị định 32/2015/NĐ-CP Thông tư 06/2016/TT-BXD | | |
| 8.3 | Chỉ dẫn kỹ thuật | Điều 19, Nghị định 46/2015/NĐ-CP | | Bắt buộc đối với công trình cấp II trở lên. Đối với công trình di tích và các công trình còn lại có thể được lập riêng hoặc quy định trong thuyết minh thiết kế |

| | | | | |
|---|---|--|----|--|
| 9. | Hồ sơ kiểm định đánh giá hiện trạng công trình. | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình sửa chữa, cải tạo buộc phải đánh giá hiện trạng công trình - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| <p>Lưu ý:</p> <p>1. Trường hợp hồ sơ trình thẩm định có các hạng mục liên quan: Điện (TBA), Công nghệ; Chủ đầu tư cần bổ sung thêm thành phần hồ sơ (số lượng 01 cho mỗi hạng mục): số thứ tự 1,4,6,7 (số thứ tự 6 không phải nộp bản vẽ TKCS).</p> <p>2. Đối với công trình có cấu phần thiết bị (TBA, kim thu sét...), chủ đầu tư bổ sung thêm 03 bảng báo giá có liên quan gần nhất hoặc chứng thư thẩm định giá của tổ chức đủ điều kiện năng lực phù hợp.</p> | | | | |

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.3. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình (*Biểu mẫu số 01*).
- Báo cáo tổng hợp hồ sơ của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng (*Biểu mẫu số 02*).

1.4. Thời gian giải quyết:

- Thời gian kiểm tra tính hợp lệ, pháp lý hồ sơ: không quá 5 ngày (Khoản 2 Điều 7 Thông tư 18/2016/TT-BXD).
- Thời gian lấy ý kiến của các đơn vị, tổ chức có liên quan: không quá 5 ngày. (Khoản 3 Điều 8 Thông tư 18/2016/TT-BXD).
- Thời gian thẩm định của Sở Xây dựng: Không quá 24 ngày (đối với công trình cấp II và cấp III), 16 ngày đối với công trình còn lại (*Khoản 8, Điều 30, 59/2015/NĐ-CP. Trong đó Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).
- Thời gian thẩm tra của tổ chức tư vấn và thời gian thẩm định của các đơn vị, tổ chức liên quan: 12 ngày đối với công trình cấp II và cấp III, 8 ngày đối với các công trình còn lại (*Khoản 4 Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP. Trong đó Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thẩm định và phê duyệt: Sở Xây dựng (*đối với vốn ngân sách nhà nước*).
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

1.7. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình và hồ sơ thiết kế được đóng dấu "ĐÃ THẨM ĐỊNH".

- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

1.8. Phí, lệ phí: Phụ lục số 2 Biểu mức thu phí (Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính).

1.9. Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

- Các Luật khác có liên quan.

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ.

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

- Quyết định số 82/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh An Giang.

- Công văn số 1821/UBND-KTTH ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh An Giang.

2. Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác.

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa. Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ, tham mưu lãnh đạo Sở có thông báo cho chủ đầu tư mời tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực phù hợp đã đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng để chủ đầu tư ký kết hợp đồng thẩm tra, phục vụ công tác thẩm định.

+ Trong thời gian 05 ngày làm việc, Chi cục Giám định xây dựng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ trình thẩm định, thông báo cho Bộ phận một cửa để yêu cầu chủ đầu tư điều chỉnh, bổ sung hoặc trả hồ sơ cho chủ đầu tư trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở Xây dựng, nếu chủ đầu tư không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì Sở Xây dựng dừng thẩm định. Chủ đầu tư trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, gửi Báo cáo kết quả thẩm tra cho Sở Xây dựng tổ chức thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 12 (mười hai) ngày đối với công trình cấp II, III và 8 (tám) ngày đối với các công trình còn lại (*nội dung này, Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).

Lưu ý: Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến Sở Xây dựng để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện. Quá thời hạn thực hiện thẩm tra nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi kết quả thẩm tra đến Bộ phận một cửa thì xem như hồ sơ chưa đủ điều kiện để thẩm định. Khi nhận kết quả thẩm tra thì thời gian thẩm định được tính lại như nhận hồ sơ mới có khấu trừ thời gian thẩm tra theo quy định.

- **Bước 2:** Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Giám định xây dựng tham mưu lãnh đạo Sở gửi hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn có liên quan để thẩm định về giải pháp thiết kế, PCCC, môi trường, công nghệ, thiết bị có cấu phần lắp đặt (*nếu có*). Chi cục Giám định xây dựng tổng hợp, tham mưu lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả thẩm định, chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa.

- **Bước 3:** Chủ đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận một cửa. Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp phí thẩm định tại Bộ phận một cửa hoặc chuyển khoản theo Thông báo thu phí thẩm định của Sở Xây dựng.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở Sở Xây dựng.

2.2. Thành phần và số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

| Số TT | Thành phần hồ sơ | Mẫu/Nội dung quy định | Số lượng | Ghi chú |
|-------|--|--|----------|--|
| 1 | Tờ trình Thẩm định TKXD | Mẫu số 6, Phụ lục II, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP <i>Biểu mẫu số 01</i> | 02 | Bản chính. |
| 2 | Các văn bản pháp lý (do cơ quan có thẩm quyền cấp) | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 2.1 | - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy (nếu có). | Nghị định 79/2014/NĐ-CP và Thông tư 66/2014/TT-BCA | | |
| 2.2 | - Báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có). | Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT | | |
| 2.3 | - Văn bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). | Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT | | |
| 2.4 | - Văn bản thỏa thuận đấu nối các bên liên quan (nếu có) | | | |
| 3 | Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư | Mẫu số 1 – Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 <i>Biểu mẫu số 02</i> | 02 | Bản chính. |
| 4 | Hồ sơ năng lực của nhà thầu KSXĐ, TVTK: (thành phần đúng theo nội dung mẫu Nghị định) | - Chương IV, Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Nghị định 42/2017/NĐ-CP và Thông tư 17/2016/TT-BXD. - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 01 | Bản chính hoặc bản sao được đóng thành tập có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 4.1 | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nhà thầu KSXĐ, nhà thầu TKXD. | | | |
| 4.2 | Hồ sơ năng lực của nhà thầu KSXĐ, nhà thầu TKXD (bảng thông tin kinh nghiệm và các văn bản pháp lý liên quan) | | | |
| 4.3 | Chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm KSXĐ, chủ nhiệm TKXD, các chủ trì TKXD, lập DTXĐ (kèm Bảng khai kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn TKXD). | | | |
| 5 | Các hồ sơ khảo sát xây dựng phù hợp với giai đoạn thiết kế | - Điều 29 Nghị định 59/2015/NĐ-CP. - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao được đóng thành tập có xác nhận của chủ đầu tư. |

| | | | | |
|-----|--|--|----|---|
| 5.1 | - Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ và phương án khảo sát xây dựng | Điều 11, Nghị định 46/NĐ/2015/NĐ-CP; khoản c Điều 76 Luật Xây dựng số 50/2014/QH | | |
| 5.2 | - Quyết định phê duyệt phương án khảo sát xây dựng | Điều 11, Nghị định 46/NĐ/2015/NĐ-CP; khoản c Điều 76 Luật Xây dựng số 50/2014/QH | | |
| 5.3 | - Báo cáo kết quả khảo sát có phê duyệt trực tiếp của chủ đầu tư | Điều 15, Điều 16 Nghị định 46/NĐ/2015/NĐ-CP | | |
| 5.3 | - VB chấp thuận nghiệm thu BC KQKS của chủ đầu tư | Điều 16 Nghị định 46/NĐ/2015/NĐ-CP | | |
| 6 | Hồ sơ thiết kế cơ sở | - Điều 29 Nghị định 59/2015/NĐ-CP. - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 6.1 | - Quyết định phê duyệt dự án kèm hồ sơ thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. | | | |
| 6.2 | - Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở | | | |
| 7 | Hồ sơ thiết kế | - Quy cách theo quy định tại Điều 21 Nghị định 46/2015/NĐ-CP - Nội dung theo quy định tại Điều 79, 80 Luật Xây dựng số 50 - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 04 | Bản chính có xác nhận của chủ đầu tư và file. |
| 7.1 | Thuyết minh và các bản vẽ TKXD | | | |
| 7.2 | Dự toán xây dựng công trình | Nghị định 32/2015/NĐ-CP Thông tư 06/2016/TT-BXD | | |
| 7.3 | Chỉ dẫn kỹ thuật | Điều 19, Nghị định 46/2015/NĐ-CP | | Bắt buộc đối với công trình cấp II trở lên. Đối với công trình di tích và các công trình còn lại có thể được lập riêng hoặc quy định trong thuyết minh thiết kế |
| 8 | Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |

| | | | | |
|----------|---|--|-----------|---|
| 9 | Hồ sơ kiểm định đánh giá hiện trạng công trình (đối với công trình sửa chữa, cải tạo). | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
|----------|---|--|-----------|---|

Lưu ý:

1. Trường hợp hồ sơ trình thẩm định có các hạng mục liên quan: Điện (TBA), Công nghệ; Chủ đầu tư cần bổ sung thêm thành phần hồ sơ (số lượng 01 cho mỗi hạng mục): số thứ tự 1,4,6,7 (số thứ tự 6 không phải nộp bản vẽ TKCS).
2. Đối với công trình có cấu phần thiết bị (TBA, kim thu sét...), chủ đầu tư bổ sung thêm 03 bảng báo giá có liên quan gần nhất hoặc chứng thư thẩm định giá của tổ chức đủ điều kiện năng lực phù hợp.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.3. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình (*Biểu mẫu số 01*).
- Báo cáo tổng hợp hồ sơ của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng (*Biểu mẫu số 02*).

2.4. Thời gian giải quyết:

- Thời gian kiểm tra tính hợp lệ, pháp lý hồ sơ: không quá 5 ngày làm việc (Khoản 2 Điều 7 Thông tư 18/2016/TT-BXD).
- Thời gian lấy ý kiến của các đơn vị, tổ chức có liên quan: không quá 5 ngày làm việc. (Khoản 3 Điều 8 Thông tư 18/2016/TT-BXD).
- Thời gian thẩm định của Sở Xây dựng: Không quá 24 ngày (đối với công trình cấp II và cấp III), 16 ngày đối với công trình còn lại (*Khoản 8, Điều 30, 59/2015/NĐ-CP. Trong đó Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).
- Thời gian thẩm tra của tổ chức tư vấn và thời gian có ý kiến của các đơn vị, tổ chức liên quan: 12 ngày đối với công trình cấp II và cấp III, 8 ngày đối với các công trình còn lại (*Khoản 4 Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP. Trong đó Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình và hồ sơ thiết kế được đóng dấu "ĐÃ THẨM ĐỊNH".

2.8. Phí, lệ phí: Phụ lục số 2 Biểu mức thu phí (Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính).

2.9. Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.
- Các Luật khác có liên quan.
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ.
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ.
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.
- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ
- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
- Công văn số 1821/UBND-KTTH ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh An Giang.

Mẫu số 01

CHỦ ĐẦU TƯ

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng⁽¹⁾ công trình

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh An Giang

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình Sở Xây dựng thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng⁽¹⁾ công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên hạng mục công trình:

2. Loại, cấp công trình(*được xác định theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD, trường hợp loại, cấp công trình đã xác định theo dự án được duyệt trước thời điểm Thông tư số 03/2016/TT-BXD có hiệu lực thì xác định theo dự án được duyệt*):

3. Thời hạn sử dụng công trình (*căn cứ vào quy mô, kết cấu, vật liệu, tải trọng, bậc chịu lửa của công trình...mà chủ đầu tư, tư vấn thiết kế xác định tuổi thọ công trình trong thuyết minh của dự án*)

4. Thuộc dự án (*theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình*)

5. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ, ...):

6. Địa điểm xây dựng:

7. Giá trị dự toán xây dựng công trình(*vốn nhà nước*), hoặc khái toán xây dựng công trình(*vốn khác*):

8. Giá gói thầu được duyệt (*xác định theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt - vốn nhà nước*)

9. Nguồn vốn đầu tư (*nêu rõ vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc vốn khác*):

10. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

11. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán⁽¹⁾ xây dựng:

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

12. Các thông tin khác có liên quan (*nếu có*):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình (*nếu có*);
- Quyết định phê duyệt và Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án (*đối với công trình sử dụng vốn nhà nước*);
- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (*nếu có*);
- Văn bản thỏa thuận về đấu nối, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật (*nếu có*);
- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (*nếu có*);
- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình (*đối với vốn nhà nước*)

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (*nếu có*);
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình Sở Xây dựng thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Ghi chú: (1) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 02

CHỦ ĐẦU TƯ

Số:

V/v.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

BÁO CÁO TỔNG HỢP
Về hồ sơ trình thẩm định

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh An Giang

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
- Căn cứ thiết kế và dự toán xây dựng công trình (*nếu có*) do (*đơn vị tư vấn*) lập;
- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

...(tên chủ đầu tư)..., báo cáo tổng hợp thiết kế, dự toán xây dựng công trình (*nếu có*) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);

2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (*nếu có*) (*ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp*);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi tiết về năng lực của các cá nhân này);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: ...(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)...có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo Chứng chỉ số....ngày....đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ trì, chủ nhiệm thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế:...có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số....ngày....đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế:....(theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề)...có đủ năng lực chủ trì thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số....ngày....đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)*

QUY TRÌNH SỐ 02

Quy trình tiếp nhận thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa. Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ, tham mưu lãnh đạo Sở có thông báo cho chủ đầu tư mời tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực phù hợp đã đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng để chủ đầu tư ký kết hợp đồng thẩm tra, phục vụ công tác thẩm định.

+ Trong thời gian 05 ngày, Chi cục Giám định xây dựng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ trình thẩm định, thông báo cho Bộ phận một cửa để yêu cầu chủ đầu tư điều chỉnh, bổ sung hoặc trả hồ sơ cho chủ đầu tư trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở Xây dựng, nếu chủ đầu tư không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì Sở Xây dựng dừng thẩm định. Chủ đầu tư trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, gửi Báo cáo kết quả thẩm tra cho Sở Xây dựng tổ chức thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 12 (mười hai) ngày đối với công trình cấp II, III và 8 (tám) ngày đối với các công trình còn lại (*nội dung này, Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).

Lưu ý: Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến Sở Xây dựng để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện. Quá thời hạn thực hiện thẩm tra nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi kết quả thẩm tra đến Bộ phận một cửa thì xem như hồ sơ chưa đủ điều kiện để thẩm định. Khi nhận kết quả thẩm tra thì thời gian thẩm định được tính lại như nhận hồ sơ mới có khấu trừ thời gian thẩm tra theo quy định.

- **Bước 2:** Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Giám định xây dựng tham mưu lãnh đạo Sở gửi hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn có liên quan để thẩm định về giải pháp thiết kế, PCCC, môi trường, công nghệ, thiết bị có cấu phần lắp đặt (*nếu có*). Chi cục Giám định xây dựng tổng hợp, tham mưu lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả thẩm định, trình phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình (*đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước*), chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa.

- **Bước 3:** Chủ đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận một cửa. Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp phí thẩm định tại Bộ phận một cửa hoặc chuyển khoản theo Thông báo thu phí thẩm định của Sở Xây dựng.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở Sở Xây dựng.

2. Thành phần và số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

| Số TT | Thành phần hồ sơ | Mẫu/Nội dung quy định | Số lượng | Ghi chú |
|-------|--|---|----------|--|
| 1 | Tờ trình Thẩm định điều chỉnh TKXD | <i>Biểu mẫu số 03</i> | 02 | Bản chính. |
| 2 | Các văn bản pháp lý (do cơ quan có thẩm quyền cấp) | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 2.1 | - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy (nếu có). | Nghị định 79/2014/NĐ-CP và Thông tư 66/2014/TT-BCA | | |
| 2.2 | - Báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có). | Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT | | |
| 2.3 | - Văn bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). | Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT | | |
| 2.4 | - Văn bản thỏa thuận đấu nối các bên liên quan (nếu có) | | | |
| 3 | Báo cáo kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt TKDT trước khi điều chỉnh | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 4 | Hồ sơ năng lực của nhà thầu KSXĐ, TVTK: (thành phần đúng theo nội dung mẫu Nghị định) | - Chương IV, Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Nghị định 42/2017/NĐ-CP và Thông tư 17/2016/TT-BXD - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 01 | Bản chính hoặc bản sao được đóng thành tập có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 4.1 | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nhà thầu KSXĐ, nhà thầu TKXD. | | | |
| 4.2 | Hồ sơ năng lực của nhà thầu KSXĐ, nhà thầu TKXD (bảng thông tin kinh nghiệm và các văn bản pháp lý liên quan) | | | |
| 4.3 | Chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm KSXĐ, chủ nhiệm TKXD, các chủ trì TKXD, lập DTXĐ (kèm Bảng khai kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn TKXD). | | | |
| 5 | Hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 5.1 | - Quyết định phê duyệt dự án điều chỉnh kèm hồ sơ thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. | | | |
| 5.2 | - Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở/dự án điều chỉnh | | | |

| | | | | |
|-----|--|---|----|---|
| 6 | Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 7 | Hồ sơ thiết kế điều chỉnh có đóng dấu xác nhận của Chủ đầu tư | - Quy cách theo quy định tại Điều 21 Nghị định 46/2015/NĐ-CP - Nội dung theo quy định tại Điều 79, 80 Luật Xây dựng số 50 - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 04 | Bản chính có xác nhận của chủ đầu tư và file |
| 7.1 | Thuyết minh và các bản vẽ TKXD điều chỉnh | | | |
| 7.2 | Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh | Nghị định 32/2015/NĐ-CP Thông tư 06/2016/TT-BXD | | |
| 7.3 | Chi dẫn kỹ thuật | Điều 19, Nghị định 46/2015/NĐ-CP | | Bắt buộc đối với công trình cấp II trở lên. Đối với công trình di tích và các công trình còn lại có thể được lập riêng hoặc quy định trong thuyết minh thiết kế |
| 8 | Tập biên bản xử lý điều chỉnh | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 9 | Hồ sơ kiểm định đánh giá hiện trạng công trình. | - Đối với công trình sửa chữa, cải tạo buộc phải đánh giá hiện trạng công trình. - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |

Lưu ý:

1. Trường hợp hồ sơ trình thẩm định có các hạng mục liên quan: Điện (TBA), Công nghệ; Chủ đầu tư cần bổ sung thêm thành phần hồ sơ (số lượng 01 cho mỗi hạng mục): số thứ tự 1,4,6,7 (số thứ tự 6 không phải nộp bản vẽ TKCS).

2. Đối với công trình có cấu phần thiết bị (TBA, kim thu sét...), chủ đầu tư bổ sung thêm 03 bảng báo giá có liên quan gần nhất hoặc chứng thư thẩm định giá của tổ chức đủ điều kiện năng lực phù hợp.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình (*Biểu mẫu số 01*).
- Báo cáo tổng hợp hồ sơ của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng(*Biểu mẫu số 02*).

4. Thời gian giải quyết:

-Thời gian kiểm tra tính hợp lệ, pháp lý hồ sơ: không quá 5 ngày làm việc (Khoản 2 Điều 7 Thông tư 18/2016/TT-BXD).

- Thời gian lấy ý kiến của các đơn vị, tổ chức có liên quan: không quá 5 ngày làm việc. (Khoản 3 Điều 8 Thông tư 18/2016/TT-BXD).

- Thời gian thẩm định của Sở Xây dựng: Không quá 24 ngày (đối với công trình cấp II và cấp III), 16 ngày đối với công trình còn lại (*Khoản 8, Điều 30, 59/2015/NĐ-CP. Trong đó Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).

- Thời gian thẩm tra của tổ chức tư vấn và thời gian có ý kiến của các đơn vị, tổ chức liên quan: 12 ngày đối với công trình cấp II và cấp III, 8 ngày đối với các công trình còn lại (*Khoản 4 Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP. Trong đó Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thẩm định và phê duyệt: Sở Xây dựng (*đối với vốn ngân sách nhà nước*).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình và hồ sơ thiết kế được đóng dấu "ĐÃ THẨM ĐỊNH".

- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

8. Phí, lệ phí: Phụ lục số 2 Biểu mức thu phí (Ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính).

9. Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

- Các Luật khác có liên quan.

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ.

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ.

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ
- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
- Quyết định số 82/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh An Giang.
- Công văn số 1821/UBND-KTTH ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh An Giang.
- Công văn số 1799/UBND-KTTH ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định giải quyết phát sinh.

Mẫu số 03

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng⁽¹⁾ công trình

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh An Giang

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình Sở Xây dựng thẩm định điều chỉnh thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng⁽¹⁾ công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên hạng mục công trình:

2. Loại, cấp công trình (được xác định theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD, trường hợp loại, cấp công trình đã xác định theo dự án được duyệt trước thời điểm Thông tư số 03/2016/TT-BXD có hiệu lực thì xác định theo dự án được duyệt):

3. Thời hạn sử dụng công trình (căn cứ vào quy mô, kết cấu, vật liệu, tải trọng, bậc chịu lửa của công trình...mà chủ đầu tư, tư vấn thiết kế xác định tuổi thọ công trình trong thuyết minh của dự án)

4. Thuộc dự án (theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình)

5. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ, ...):

6. Địa điểm xây dựng:

7. Giá trị dự toán xây dựng công trình được duyệt (vốn nhà nước), hoặc khái toán xây dựng công trình (vốn khác):

8. Giá gói thầu được duyệt (xác định theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt - vốn nhà nước):

9. Giá trị dự toán điều chỉnh theo giải pháp xử lý thiết kế (tăng, giảm):

10. Nguồn vốn xử lý phát sinh (nêu rõ vốn nhà nước hoặc vốn do các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm chi trả):

11. Nội dung điều chỉnh (xác định theo Biên bản xử lý điều chỉnh).

12. Nguyên nhân điều chỉnh:

13. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán⁽¹⁾ xây dựng điều chỉnh:

14. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

15. Các thông tin khác có liên quan (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Tờ trình thẩm định điều chỉnh thiết kế và dự toán xây dựng công trình.

- Quyết định điều chỉnh dự án ĐTXD công trình hoặc văn bản chấp thuận của cấp quyết định đầu tư về sự điều chỉnh giải pháp thiết kế so với thiết kế cơ sở được duyệt (*trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng đã được duyệt*).

- Thuyết minh điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình (*trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng đã được duyệt*).

- Thiết kế cơ sở điều chỉnh đã được phê duyệt (*trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng đã được duyệt*).

2. Hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng, kết quả thẩm tra điều chỉnh:

- Báo cáo kết quả thẩm tra điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Tập hồ sơ thuyết minh điều chỉnh thiết kế xây dựng (*giải pháp điều chỉnh từng giai đoạn so với hồ sơ thiết kế được duyệt, chỉ dẫn kỹ thuật*) được chủ đầu tư phê duyệt.

- Tập bản vẽ hồ sơ thiết kế xây dựng công trình điều chỉnh + Hồ sơ dự toán xây dựng công trình điều chỉnh

- Tập biên bản xử lý điều chỉnh (*có đóng dấu xác nhận của chủ đầu tư*).

3. Hồ sơ năng lực nhà thầu vận lập thiết kế, dự toán điều chỉnh (*trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn khác thực hiện lập giải pháp điều chỉnh*):

(Tên tổ chức) trình Sở Xây dựng thẩm định điều chỉnh thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Ghi chú: (1) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

QUY TRÌNH SỐ 03
Quy trình tiếp nhận thẩm định, phê duyệt dự toán thiết bị
của dự án đầu tư xây dựng

1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa. Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ, ghi biên nhận và chuyển hồ sơ cho Phòng Kinh tế và Vật liệu Xây dựng.

+ Trong thời gian 05 (năm) ngày, Phòng Kinh tế và Vật liệu Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thông báo bằng văn bản và chuyển cho Bộ phận một cửa để yêu cầu chủ đầu tư điều chỉnh, bổ sung hồ sơ trình thẩm định (nếu có). Sau thời gian 05 (năm) ngày, Phòng không có văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung hồ sơ thì xem như hồ sơ đủ điều kiện để thẩm định.

- **Bước 2:** Phòng Kinh tế và Vật liệu Xây dựng tham mưu lãnh đạo Sở gửi hồ sơ đến Sở Tài chính để thẩm định về giá thiết bị (nếu cần thiết), thực hiện thẩm định, trình lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả thẩm định; phê duyệt dự toán thiết bị của dự án đầu tư xây dựng (đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước); trả kết quả cho Bộ phận một cửa.

Thời gian cơ quan có ý kiến về thiết bị là 07 (bảy) ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

- **Bước 3:** Chủ đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận một cửa.

(Khi đến nhận kết quả phải có biên nhận. Trường hợp nhận thay phải có biên nhận và giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền của tổ chức đề nghị cấp).

- **Cách thức thực hiện:**Trực tiếp tại trụ sở Sở Xây dựng;

2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

| Số TT | Thành phần hồ sơ | Mẫu/Nội dung quy định | Số lượng | Ghi chú |
|-------|---|---|----------|--|
| 1 | Tờ trình Thẩm định dự toán thiết bị | <i>Biểu mẫu số 04</i> | 02 | Bản chính. |
| 2 | Báo cáo kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt dự án | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 3 | Quyết định phê duyệt kế hoạch thầu | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | | bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |
| 4 | Hồ sơ năng lực của nhà thầu TVTK: (thành phần đúng theo nội dung mẫu Nghị định) | - Chương IV, Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Nghị định 42/2017/NĐ-CP và Thông tư 17/2016/TT-BXD - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 01 | Bản chính hoặc bản sao được đóng thành tập có xác nhận của chủ đầu tư. |

| | | | | |
|-----|--|--|----|---|
| 4.1 | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nhà thầu TKXD. | | | |
| 4.2 | Hồ sơ năng lực của nhà thầu TKXD (bảng thông tin kinh nghiệm và các văn bản pháp lý liên quan) | | | |
| 4.3 | Chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm TKXD, các chủ trì TKXD, lập DTXD (kèm Bảng khai kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn TKXD). | | | |
| 5 | Dự toán thiết bị | Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính có xác nhận của chủ đầu tư và file |
| 6 | Tập chứng thư thẩm định giá thiết bị do tổ chức có đủ năng lực thẩm định | - Chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực. - Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD. | 02 | Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư. |

b.Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định dự toán thiết bị của dự án đầu tư xây dựng (*mẫu số 04*).

4. Thời gian giải quyết: 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (*Khoản 4 Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP. Trong đó Sở Xây dựng đã tinh giảm 20% thời gian thực hiện so với quy định*).

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan thẩm định, phê duyệt: Sở Xây dựng (*đối với dự án vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh*).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Kết quả thẩm định dự toán thiết bị của dự án đầu tư xây dựng.
- Quyết định phê duyệt dự toán thiết bị của dự án đầu tư xây dựng (*đối với vốn ngân sách nhà nước*).

8. Phí, lệ phí: không thu phí.

9. Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ.
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.
- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ.

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
- Quyết định số 82/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh An Giang.
- Công văn số 1821/UBND-KTTH ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh An Giang.

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự toán thiết bị công trình

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh An Giang

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
 - Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.
- (Tên chủ đầu tư) trình Sở Xây dựng thẩm định dự toán thiết bị công trình

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên hạng mục thiết bị công trình:
2. Thuộc dự án (*theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình*)
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ, ...):
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán thiết bị: So sánh với giá trị thiết bị của dự án được duyệt.
6. Nhà thầu lập dự toán thiết bị:
7. Nhà thầu thẩm định giá thiết bị:
8. Các thông tin khác có liên quan (*nếu có*):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

- Tờ trình thẩm định dự toán thiết bị của dự án đầu tư xây dựng (*mẫu số 05*).
 - Quyết định phê duyệt dự án ĐTXD công trình hoặc Quyết định điều chỉnh dự án ĐTXD công trình (*nếu có*).
 - Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án đầu tư xây dựng công trình.
 - Dự toán thiết bị do tư vấn có đủ điều kiện năng lực lập.
 - Chứng thư (còn thời hạn) thẩm định giá thiết bị do tư vấn có năng lực lập.
- (Tên tổ chức) trình Sở Xây dựng thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Tên người đại diện